

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40743/CTHN-TTHT

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2022

V/v kê khai thuế đối với nhà
thầu nước ngoài

Kính gửi: Văn phòng đại diện China Harbour Engineering Company Limited tại TP.
Hà Nội

(Địa chỉ: Phòng 2101&2106 tòa Đông, Lotte Center Hà Nội, 54 Liễu Giai, phường
Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội - MST: 0109572943)

Ngày 04/08/2022, Cục Thuế TP Hà Nội nhận được Công văn số 2022/0801 ghi
ngày 02/08/2022 của Văn phòng đại diện China Harbour Engineering Company
Limited tại TP. Hà Nội (sau đây gọi tắt là Công ty) hỏi về kê khai, nộp thuế đối với
nhà thầu nước ngoài, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014 của Bộ Tài chính
hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh
doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam quy định:

+ Tại Khoản 1 Điều 1 quy định đối tượng áp dụng:

*“Hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau (trừ trường
hợp nêu tại Điều 2 Chương I):*

*1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc
không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng
cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là
Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu
nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà
thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với
Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu...”*

+ Tại Khoản 2 Điều 4 quy định về đối tượng nộp thuế:

*“2. Tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức
đăng ký hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức khác và cá nhân sản xuất kinh
doanh: mua dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa hoặc trả thu nhập phát sinh tại Việt
Nam trên cơ sở hợp đồng nhà thầu hoặc hợp đồng nhà thầu phụ; mua hàng hóa theo
hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ hoặc theo các điều khoản thương mại quốc tế
(Incoterms); thực hiện phân phối hàng hóa, cung cấp dịch vụ thay cho tổ chức, cá
nhân nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Bên Việt Nam) bao gồm:*

*- Các tổ chức kinh doanh được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Đầu tư và
Luật Hợp tác xã;*

*- Các tổ chức kinh tế của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ
chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang, tổ chức sự nghiệp và các tổ
chức khác;*

- Nhà thầu dầu khí hoạt động theo Luật Dầu khí;

- Chi nhánh của Công ty nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam;
- Tổ chức nước ngoài hoặc đại diện của tổ chức nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam;

...

- Các tổ chức khác ở Việt Nam;
- Các cá nhân sản xuất kinh doanh tại Việt Nam.

Người nộp thuế theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 4 Chương I có trách nhiệm khấu trừ số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp hướng dẫn tại Mục 3 Chương II trước khi thanh toán cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài.”

+ Tại Điều 5 quy định về các loại thuế phải nộp:

“1. Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là tổ chức kinh doanh thực hiện nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là cá nhân nước ngoài kinh doanh thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT theo hướng dẫn tại Thông tư này, thuế thu nhập cá nhân (TNCN) theo pháp luật về thuế TNCN.

3. Đối với các loại thuế, phí và lệ phí khác, Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện theo các văn bản pháp luật về thuế, phí và lệ phí khác hiện hành.”

+ Tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 7 quy định thu nhập chịu thuế TNDN:

“1. Thu nhập chịu thuế TNDN của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là thu nhập phát sinh từ hoạt động cung cấp, phân phối hàng hóa; cung cấp dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I).

...

3. Thu nhập phát sinh tại Việt Nam của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là các khoản thu nhập nhận được dưới bất kỳ hình thức nào trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I), không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành hoạt động kinh doanh của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài. Thu nhập chịu thuế của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài trong một số trường hợp cụ thể như sau:

...

- Thu nhập từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản.

...”

+ Tại Điều 13 quy định về thuế TNDN:

“1. Doanh thu tính thuế TNDN

Doanh thu tính thuế TNDN là toàn bộ doanh thu không bao gồm thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp. Doanh thu tính thuế TNDN được tính bao gồm cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có).

2. Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế

a) Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với ngành kinh doanh:

TT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế
1	Thương mại: phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị;...	1

...”

+ Tại Điều 14 quy định về đối tượng và điều kiện áp dụng phương pháp kê khai:

“Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nếu đáp ứng đủ hai điều kiện nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều 8 Mục 2 Chương II và tổ chức hạch toán kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và hướng dẫn của Bộ Tài chính thì đăng ký với cơ quan thuế để thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % tính trên doanh thu tính thuế.”

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty là nhà thầu nước ngoài đang thực hiện kê khai và nộp thuế theo phương pháp hỗn hợp có phát sinh thu nhập từ hoạt động thanh lý tài sản tại Việt Nam thì thu nhập này thuộc đối tượng chịu thuế TNDN theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 7 Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

Doanh thu tính thuế và tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với hoạt động thanh lý tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

Đề nghị Công ty nghiên cứu các căn cứ pháp lý trích dẫn nêu trên và căn cứ vào tình hình thực tế của hợp đồng nhà thầu để thực hiện đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện chính sách thuế, trường hợp còn vướng mắc, đơn vị có thể tham khảo các văn bản hướng dẫn của Cục Thuế TP Hà Nội được đăng tải trên website <http://hanoi.gdtgov.vn> hoặc liên hệ với Phòng Quản lý hộ kinh doanh và cá nhân thu khác để được hỗ trợ giải quyết.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Văn phòng đại diện China Harbour Engineering Company Limited tại TP. Hà Nội được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng CNTK;
- Phòng NVDTPC;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT(2).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Tiến Trường